

Bản án số: 46/ 2017/ HSST  
Ngày 21 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Văn Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Văn Sơn

Ông Lưu Xuân Hiến

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông H Xuân Lộc - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lý Hòa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 20 đến 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38 /2017/ HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Như H**, sinh ngày 01 tháng 5 năm 1996. Trú tại: xóm B3, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12. Con ông Nguyễn Đại Đ và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công từ 16/3/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Chu Quốc V, sinh năm 1998. Địa chỉ: Xóm K, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đại Đ, sinh năm 1958. Địa chỉ: Xóm B3, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1/Bà Đặng Thị T, sinh năm 1952. Địa chỉ: Xóm B3, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- 2/ Anh Phan Trung A, sinh năm 1997. Địa chỉ: Xóm B3, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).
- 3/ Anh Đỗ Văn Giang, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm B1, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).
- 4/ Anh Lý Hoài Như, sinh năm 1998. Địa chỉ: Xóm Đ, xã M, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).
- 5/ Anh Ngô Văn H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Xóm B1, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).
- 6/ Anh Nguyễn Danh Đ, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm T, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).
- 7/ Anh Nguyễn Văn Anh N, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm N, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).
- 8/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm B1, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).
- 9/ Anh Chu Văn H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm T, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).
- 10/ Anh Ngô Mạnh H1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm T, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (chỗ ở: Khu tái định cư xã B) (Vắng mặt).
- 11/ Anh Ngô Mạnh H2, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm Tn, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (chỗ ở: Khu tái định cư xã B) (Có mặt).

### **NHẬN THẤY:**

Bị cáo Nguyễn Như H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/01/2017, tại khu vực đường phía sau Trạm y tế xã B, thành phố S, Nguyễn Như H đang điều khiển xe mô tô chở Đỗ Văn G ngồi phía sau thì bị Ngô Văn H do mâu thuẫn cá nhân dùng chân đạp vào phần đuôi xe của Nguyễn Như H làm cả xe và người đổ ra đường, hai bên lời qua tiếng lại rồi lao vào đánh nhau bằng chân tay không, sau đó có Lý Hoài N và Nguyễn Văn Anh N vào can ngăn, thấy Nguyễn Như H nhặt được một chiếc gậy, nên tất cả nhóm Ngô H bỏ chạy, không ai bị thương tích gì.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, tại quán bi-a Trung Anh ở xóm B3, xã B, thành phố S, Nguyễn Như H gặp và kể cho Nguyễn Danh Đ sự việc mâu thuẫn giữa Nguyễn H và nhóm Ngô H trước đó thì Đ nói để Đ đứng ra giải quyết mâu thuẫn cho hai bên. Sau đó Đ gọi điện hẹn Ngô H và Nguyễn đến quán bi-a Trung Anh để giải quyết mâu thuẫn. N đồng ý rồi điều khiển xe mô tô chở Ngô H đến quán bi-a Trung Anh. Đến nơi giữa Ngô H và Nguyễn H tiếp tục lời qua tiếng lại, cãi chửi, đánh nhau, lúc đầu

bằng chân tay không, sau Nguyễn H lấy được một đoạn gậy thì Ngô H chạy về hướng Ủy ban nhân dân xã B nên Nguyễn H không đuổi kịp và quay lại quán bi-a định đánh N nhưng mọi người trong quán bi-a can ngăn. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn H bảo N ra khu vực trước cổng nhà bà Đặng Thị T ở gần đó để nói chuyện riêng. Thấy có nguy cơ tiếp tục đánh nhau, Nguyễn Văn T, Chu Văn H và Ngô Mạnh H (là bạn của N) đi theo, đứng cách vị trí H và N khoảng 2-3m. Tại đây, Nguyễn H mắng chửi và định đánh N thì có Chu Quốc V từ trong quán bi-a đi ra và vào can ngăn, V nói: “nếu anh đánh nó thì anh đánh cả em này” thì bất ngờ Nguyễn H dùng 01 chiếc gậy bằng tre, dài khoảng 1m, đường kính khoảng 05 cm vụt về phía V 02 nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, nhát thứ nhất trúng vào phần đầu bên trái, phát thứ hai trúng vào vai trái của V, khiến V đau ngời xuống tại chỗ. Thấy vậy H lao vào giật chiếc gậy trên tay H và vụt về phía H nhưng H bỏ chạy nên không trúng, H nhảy qua tường vào bên trong sân nhà bà T, vừa chạy vừa hô “trộm, cướp...”. Sau đó H gọi N vào nhà bà T, tát N một nhát rồi bỏ về. Do thấy vết thương của V chảy máu, N và H đưa V đi cấp cứu tại bệnh viện C- Thái Nguyên.

Hậu quả: V bị thương ở đầu phải mổ phẫu thuật, điều trị đến ngày 03/02/2017 ra viện. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 52/TgT ngày 23/02/2017 và 61/TgT ngày 08/3/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: Tụ máu ngoài màng cứng thái dương trái, vỡ lún xương thái dương trái, chảy máu màng mềm đã điều trị không có di chứng thần kinh. Tổng tỷ lệ thương tổn cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 39%. Cơ chế hình thành vết thương tại vùng thái dương trái của Chu Quốc V: Do vật tày gậy nên.

Về vật chứng của vụ án: chiếc gậy bằng tre Nguyễn Như H dùng để đánh Việt không thu được do H sau khi giật lại từ tay H đã mang đi đâu không nhớ.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 14/5/2017, ông Nguyễn Đại Đ (bố đẻ của bị cáo H) đã bồi thường cho anh V số tiền là 12.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 38 ngày 20 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đã truy tố bị cáo Nguyễn Như H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, áp dụng khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) để truy cứu trách nhiệm hình sự theo hướng có lợi đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có mặt giữ nguyên lời khai tại giai đoạn điều tra.

Người bị hại là anh Chu Quốc V yêu cầu bị cáo H phải bồi thường các khoản: Viện phí (02 đợt tại Bệnh viện C Thái Nguyên) = 9.706.967đ và tiền mua thuốc ngoài theo hóa đơn, tổng cộng = 25.521.672đ; tiền xe đưa đón = 480.000đ; chi phí cho người chăm sóc gồm: 05 ngày x 10 người trông = 6.000.000đ, 02 đợt nằm viện 31 ngày 05 ngày đầu bố mẹ anh V trông đêm, mẹ anh V đã có bằng lương, bố anh Việt ở nhà nội trợ nên không tính được mức lương, mức thu nhập của 05 người chăm sóc từ ngày 18/01/2017 đến ngày 22/01/2017 là 2.490.000đ; các chi phí tại Bệnh viện Việt Đức = 5.114.000đ; tiền xe đưa đón đi giám định tại Sở y tế Thái Nguyên =

340.000đ. Tổng cộng 46.391.000đ + tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần và 39% sức khỏe bị mất: 30.000.000đ = 76.391.000đ. Bị cáo H không chấp nhận mức bồi thường trên, chỉ đồng ý mức bồi thường tổng cộng 30.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo H phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 104; Điều b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/ 2015/ QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/ QH14.. ; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành, khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015(đã được sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo H từ 06 đến 07 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo H bồi thường thiệt hại sức khỏe cho người bị hại Việt theo quy định. Về án phí: Đề nghị áp Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, hiện tại bị cáo đã nhận thức được và thấy ân hận về hành vi của mình; bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được về với xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

### **XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận về hành vi dùng gậy tre vọt 02 nhát về phía người bị hại Việt, 01 nhát vào đầu, 01 nhát vào vai của anh Vt. Phần lời khai này của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; phù hợp với đơn trình báo, biên bản xác định, sơ đồ hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Đối với nội dung, theo bị cáo H khai, bị cáo thực hiện hành vi vung gậy vọt về phía anh V là do trước đó bị anh V du đẩy và đánh bị cáo trước là không có cơ sở, vì chỉ có một mình bị cáo khai như vậy còn người bị hại và những người làm chứng trực tiếp có mặt tại hiện trường là các anh T, H, H1 và anh N đều xác định anh V không thực hiện hành vi xô đẩy và đánh bị cáo mà chỉ khuyên can, ngăn bị cáo không đánh anh N.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ ngày 17/01/2017, tại xóm B3, xã B, thành phố S, Nguyễn Như H đã có hành vi dùng một chiếc gậy bằng tre, dài khoảng 1m, đường kính khoảng 05 cm vọt hai nhát về phía

người bị hại Chu Quốc V, một nhát trúng vào đầu và một nhát trúng vào vai trái của anh Việt, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 39%.

Hành vi nêu trên của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999. Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ. Nội dung điều luật quy định:

*1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:*

*a) Dùng hung khí nguy hiểm...*

*3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật ... từ 31% đến 60%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm”*

Do có thay đổi về chính sách pháp luật hình sự, căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/ 2015/ QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/ QH14.. ; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành, Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (có mức cao nhất của khung hình phạt thấp hơn so với khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999) để xét xử theo mức án có lợi cho bị cáo, nội dung Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

*“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Dùng..., hung khí nguy hiểm...*

...

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*

...

*c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;*

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Xét nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy:

Về nhân thân: Bị cáo H sinh ra, lớn lên tại địa phương, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 ở nhà làm ruộng, có đủ nhận thức, làm chủ được hành vi của mình nhưng vẫn cố tình phạm tội. Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm p, ngoài ra bị cáo cũng đã có tác động, nhờ gia đình bị cáo bồi thường cho người bị hại, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tính chất hành vi phạm tội của bị cáo thuộc vào trường hợp rất nghiêm trọng. Nên cần phải xét xử bị cáo mức án phạt tù nghiêm khắc, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, về tuổi đời của bị cáo hiện còn rất trẻ và đây là lần đầu bị cáo phạm tội, để xét xử bị cáo mức án phù hợp.

Về vật chứng của vụ án: chiếc gậy bằng tre bị cáo dùng để vụt người bị hại Việt không thu giữ được vì sau khi giật lại từ tay H, anh H2 không nhớ đã mang đi đâu.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại là anh Chu Quốc V yêu cầu bị cáo H phải bồi thường các khoản: Viện phí và tiền mua thuốc ngoài theo hóa đơn, tiền xe đưa đón; tiền chi phí và phần thu nhập bị mất cho người chăm sóc; các chi phí tại Bệnh viện Việt Đức; tiền xe đưa đón đi giám định tại Sở y tế Thái Nguyên là 46.391.000đ và tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần, 39% sức khỏe bị mất là 30.000.000đ, tổng cộng = 76.391.000đ. Do bị cáo và người bị hại không tự thỏa thuận được về mức bồi thường, căn cứ quy định tại Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về việc bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, bảng kê khai các khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại và hóa đơn, chứng từ do người bị hại cung cấp. Hội đồng xét xử xác định các khoản bồi thường thiệt hại cụ thể như sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại bao gồm:

+ Tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu tại cơ sở y tế: người bị hại yêu cầu 480.000đ là có cơ sở chấp nhận, vì tuy không cung cấp được hóa đơn chứng từ, nhưng tính theo tiền phí xe taxi đi từ xã B ra Bệnh viện C Thái Nguyên và từ Bệnh viện C Thái Nguyên về nhà người bị hại (02 lần) với giá xe taxi khoảng 10.000đ/ km là phù hợp.

+ Tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X-quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ,... theo chỉ định của bác sỹ. Đối với các hóa đơn mua thuốc ngày 18/01/2017 = 3.795.000 (bút lục số 244), ngày 06/02/2017 = 1.045.000 (bút lục số 243) không có cơ sở chấp nhận vì không theo chỉ định (đơn thuốc) của bác sỹ điều trị. Chấp nhận các hóa đơn 8.100.000đ ngày 18/01/2017 - là tiền mua các thiết bị là mảnh lưới và đinh vít phục vụ cho việc phẫu thuật (bút lục số 249); hóa đơn 362.000đ ngày 18/01/2017 - là tiền mua dụng cụ phục vụ cho việc phẫu thuật (bút lục số 248); các hóa đơn tiền chụp cắt lớp tại viện C ngày 18/01/2017 = 1.000.000đ (bút lục số 260), ngày 19/01/2017 = 500.000đ (bút lục số 259), ngày 14/02/2017 = 500.000 (bút lục số 258); hóa đơn mua thuốc theo chỉ định của bác sỹ ngày 23/01/2017 = 750.000đ (bút lục số 245). Tổng cộng = 11.212.000đ.

+ Tiền viện phí (02 đợt điều trị tại Bệnh viện C Thái Nguyên, đợt 01 từ ngày 18/01/2017 đến ngày 03/02/2017, đợt 02 từ ngày 14/02/2017 đến ngày 27/02/2017): 9.733.966đ.

- Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị:

+ Phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị, bà Lê ThịTh (mẹ người bị hại V) là người chăm sóc cho người bị hại trong thời gian điều trị (31 ngày nằm viện C Thái Nguyên) có mức thu nhập 6.580.000đ/ 01 tháng (7.380.000đ/ 01 tháng theo xác nhận của Công ty trách nhiệm hữu hạn chế phẩm nhựa Gia Hưng – tiền hỗ trợ tiền ăn và tiền thuê nhà 800.000đ/ tháng): 6.580.000đ/ 30 ngày (01 tháng) x 31 ngày = 6.799.333đ; chấp nhận thêm phần thu nhập của 01 người chăm sóc trong 05 ngày đầu (từ ngày 18 đến 22/01/2017): 05 ngày x 150.000đ/ 01 ngày (là mức thu nhập bình quân của 01 người lao động tại địa phương) = 750.000đ.

+ Chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị (tiền thuê nhà trọ theo giá trung bình ở địa phương nơi thực hiện việc chi phí cho một trong những người chăm sóc cho người bị thiệt hại trong thời gian điều trị và tiền chi phí đi lại): 05 ngày x 70.000đ/ 01 ngày = 350.000đ.

- Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: Người bị hại là anh Việt bị thiệt hại 39% sức khỏe, Hội đồng xét xử ấn định khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 20 tháng lương cơ sở tại thời điểm xét xử: 20 tháng lương cơ sở x 1.300.000đ/ 01 tháng = 26.000.000đ.

Tổng cộng = 55.325.299đ (làm tròn bằng 55.325.000đ).

Đối với chi phí tại Bệnh viện Việt Đức theo kê khai là do người bị hại V tự ý đi khám, mua thuốc,.. (trong thời điểm anh Việt đang điều trị tại Bệnh viện C, không theo chỉ định của Bệnh viện C) và chi phí xe đi giám định là thuộc trách nhiệm của cơ quan điều tra, nên không có cơ sở chấp nhận.

Trong vụ án này, người bị hại không có lỗi, nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe tương ứng với toàn bộ số tiền trên cho người bị hại Vt. Bị cáo đã bồi thường được 12.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại: 55.325.000đ – 12.000.000đ = 43.325.000đ.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo bị kết án và phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nên phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này, theo lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác thu thập trong vụ án xác định trước khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Như H và Ngô Văn H có hành vi đánh nhau, Công an thành phố S đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Như H và Ngô Văn H về hành vi này là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Như H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

**Áp dụng:** Khoản 3 Điều 104; Điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Như H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2017.

+ Áp dụng: Điều 228/ Bộ luật Tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Như H 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

\* **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng: Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Các Điều 584, 585, 586, 590; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Thi hành án dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Như H phải bồi thường cho người bị hại Chu Quốc V tổng số tiền là 55.325.000đ, đã bồi thường được 12.000.000đ, buộc bị cáo H phải tiếp tục bồi thường cho anh V số tiền 43.325.000đ (bốn mươi ba triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo H chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*



*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**\* Về án phí:** Áp dụng Điều 99/ Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ án phí hình sự và 2.166.250đ án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

**\* Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 231, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo H; người bị hại V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đ biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo; người bị hại; người liên quan;
- UBND xã B(kèm TB Kq XX);
- THA: H.sự, D.sự (án đã có hiệu lực);
- Sở T.pháp tỉnh Thái Nguyên (án đã có hiệu lực);
- Công TTĐT, TANDTC (án đã có hiệu lực);
- Lưu: H.sơ, H.sự, VT

(đã ký)

**Dương Văn Phong**